

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ

QUYỂN 4

GIẢI THÍCH PHẨM KHÔNG

1. Nói về bốn thứ không:

Nói về Không đáng lẽ có bốn thứ, đó là Diệt Sắc Nhập Không, ngay nơi sắc là không, Diệt Biên nhập không, và ngay nơi Biên là không. Kinh này có cả sự Sám hối của các thừa, nên phải có bốn thứ Không; nhưng phẩm này chỉ nêu Không là chú trọng đến ngay nơi biên là không. Vì sao? Vì kinh nói: “Vô lượng các kinh khác đã nói nhiều về không, vì thế cho nên trong đây giải thích lược”. Lại nữa, không là không hữu không vô. Không hữu là không có hai mươi lăm hữu, không vô là không có cái vô tro than của Nhị thừa, hai bên đều thanh tịnh đó gọi là không. Thẳng thắn mà nói lời này, nếu nghi ngờ thì mê muội tên gọi, lạm dụng lý lẽ, không thể nào hiểu rõ được. Nay chia thành sáu câu: Không này bác bỏ chẳng phải hữu chẳng phải vô, chẳng phải hữu chẳng phải vô phá Không, Không tu chẳng phải hữu chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô tu không. Không tức chẳng phải hữu, chẳng phải vô chẳng phải hữu chẳng phải vô tức không, Không bác bỏ chẳng phải hữu chẳng phải vô. Cái gọi là phàm phu ngoại đạo chấp chẳng phải hữu chẳng phải vô, Nhị thừa nghiêng trụ trong cái chứng đắc chẳng phải hữu chẳng phải vô. Biệt giáo giáo đạo chấp vào pháp môn chẳng phải hữu chẳng phải vô, đều là cái không mà phẩm không phá trừ. Kiến chấp của phàm phu ngoại đạo có nhiều thứ:

2. Các chấp của phàm phu, ngoại đạo:

- Bốn cái thấy đơn độc.
- Bốn cái thấy phức tạp.
- Bốn cái thấy đầy đủ.

Bốn cái thấy đơn độc rất dễ hiểu. Bốn cái thấy phức tạp nghĩa là có cái có hữu vô, chẳng có cái vô vô, vừa có vừa vô cái hữu, vừa có vừa vô cái vô, chẳng phải có chẳng phải vô cái hữu, chẳng phải có chẳng

phải vô cái vô. Cái thấy phức tạp này ẩn chứa loại thứ năm không thể nói. Đây đủ bốn câu ấy là ở trong một câu có đủ bốn câu, bốn bốn thành mười sáu câu, cho nên gọi là đầy đủ. Tuy đơn độc - phức tạp - đầy đủ đều là khổ - tập mênh mông, tuy cho rằng là chẳng phải hữu chẳng phải vô, nhưng thật sự chỉ là cái thấy lưỡng đối, cho nên là cái bị không bị của phẩm phá trừ Không. Nhị thừa nghiêng trụ trong cái chứng đắc chẳng phải hữu chẳng phải vô. Vì dứt bỏ chấp thường cho nên nói chẳng phải hữu, vì dứt bỏ Chấp đoạn cho nên nói chẳng phải vô, hai chấp hữu vô dứt hết không còn sót.

3. Nói vì A-la-hán:

Kiến, tư ba cõi hết hẳn không còn, sinh ra ý tưởng diệt độ, sinh ra ý tưởng an ổn, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không chịu thân hậu hữu, chỉ giữ lấy cái hiện tại mà thôi, không còn tiến lên cầu Tam-miệu Bồ-đề, nhưng hàng Nhị thừa phát chân, dứt bỏ Chấp thường, dứt bỏ chấp đoạn, pháp môn khác nhau, hoặc từ Hữu môn đi vào như A-tỳ-đàm, hoặc từ vô môn đi vào như luận Thành thật, hoặc từ diệt hữu diệt vô môn đi vào như luận Côn-lặc, hoặc từ phi hữu phi vô môn đi vào như kinh Na-đà-ca-chiên-diên. Lìa đoạn, lìa thường gọi là trung đạo của bậc Thánh, bốn môn đều dứt chấp đoạn. Thường gọi là đồng trung đạo, thật ra là giữ gìn thiên lệch chấp lấy chứng đắc, cho nên là cái bị không của phẩm phá trừ không. Biệt giáo giáo đạo chấp vào pháp môn chẳng phải hữu chẳng phải vô: Phật vì hàng Bồ-tát độn căn, phương tiện khéo léo mở bày bốn môn giảng nói trung đạo, như các thí dụ kia, người không được vừa ý với bốn môn nên trở thành tranh cãi, vì thế kinh Niết-bàn chép “Chân thiện diệu hữu, đại bát Niết-bàn không”. Phật tánh cũng là sắc, chẳng phải là sắc, chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc, nếu đều chấp lấy một môn thì đối với Như lai có tâm tranh luận, không thấy trung đạo, chấp vào pháp môn này, vẫn cái không của phẩm không phá trừ. Bảo mới dịch chép: Bồ-tát Sơ địa muốn hành đạo hữu tướng, đó chính là ý của một môn”. Trong văn đều có nói về bốn môn, Đại kinh chép: “Trước đây ta đều gọi là người tà kiến”.

4. Phàm phu ngoại đạo chấp không:

Chẳng phải hữu chẳng phải vô phá không: Lại là cái chấp không của phàm phu ngoại đạo, chứng đắc về không của Nhị thừa, pháp môn về không của giáo đạo, rơi vào hai bên, cho nên bị Trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô phá trừ. Tương tu là thấy không, chứng không, giáo đạo không, cần phải tu trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô, thấy chẳng phải hữu chẳng phải vô, chứng chẳng phải hữu chẳng phải

vô. Tương tức là phá trừ cái không của hai bên, tức là trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô. Trung đạo chẳng phải hữu chẳng phải vô tức là phá cái không hai bên, không hai không khác, Bát-nhã là một pháp, Phật nói các thứ gọi là không tức là chẳng phải hữu chẳng phải vô, những không dùng Phi hữu phi vô làm tên gọi, ấy là vì lược nói, do đó nói phẩm Không. Ý của phẩm này là phá trừ điều ác của phẩm Sám hối, phát sinh điều lành khen ngợi của phẩm, phẩm không dẫn dắt thành tựu sự diệt ác sinh thiện, cũng là dẫn dắt thành tựu các Dụng - Tông - Thể... Do đó Thích Luận chép: “Nếu vì chẳng có cái không này thì tất cả đều không cần làm” dẫn dắt thành tựu phẩm trên cho nên nói phẩm không. Lại nữa, quả Thường nói lên thể, diệt ác sinh thiện đều nói về không, người căn cơ bén nhạy đã hiểu, vì hàng căn cơ chậm chạp cho nên khởi tâm đại bi, tiếp tục nói về “năm ấm sinh pháp, bốn tánh vắng lặng” (Cuối quyển bốn - đầu quyển năm). Phẩm này có bài kệ bốn mươi lăm, chia làm hai đoạn: bốn bài rưỡi đầu tiên là sắp nói về không, bốn mươi bài rưỡi tiếp theo chính là nói về không.

5. Nói về kinh khác:

Vô lượng các kinh khác ấy chỉ cho rộng mà nói hẹp, cũng là nêu lược để hiển bày cái rộng lớn. Nếu nhằm vào Bát-nhã thì kinh này không thuộc về Phương đẳng, nếu không nhằm vào Bát-nhã thì các kinh không nói rộng về nghĩa của không, điều này thế nào? Đáp: Vì phần trước của các kinh người kiết tập phải thực hiện theo thứ lớp, nhưng phần sau đó đều xếp vào những trường hợp trước, tạm thời nêu ra một để so sánh nhiều, như kinh A-hàm chép: “Phật sắp Niết-bàn, Xá-lợi Phất không đành lòng nhìn thấy Phật diệt độ, nên nhập diệt trước Phật, cùng dẫn đầu mang y bát đi đến chỗ Đức Phật”: Đây là sự cuối cùng, nhưng kiết tập trong A-hàm vào hai mươi năm trước, nên biết rằng phần sau A-hàm là đến Niết-bàn. Còn thứ lớp của Phương Đẳng là ở trước Pháp Hoa, nhưng nói “Đầu tiên tại Linh Sơn đã thọ ký cho hàng Thanh văn”, há chẳng phải Phương Đẳng rồi đến Niết-bàn hay sao? Lại nữa, thứ lớp của Đại phẩm ở trước Pháp Hoa nhưng Thích Luận nói: “Tu Bồ-đề được thọ ký trong Pháp Hoa, mà các vị Bồ-tát là hoàn toàn chắc chắn hay là không hoàn toàn chắc chắn? “Nên biết rằng Bát-nhã cùng đến Niết-bàn. Căn cứ theo đây mà suy ra thì nói thứ lớp là phần trước, nêu ra lẫn nhau là phần sau.

6. Sự sắp xếp của người kiết tập:

Người kiết tập dùng phần sau để trình bày nghĩa lý, nếu quan điểm (khí loại) giống nhau thì kiết tập nhằm về phần trước, hoặc giả

không biết rõ mà nói sai thứ lớp thì thật ra cũng không trái ngược. Kinh này thuộc về phần sau của Phương Đăng, nhằm vào Bát-nhã để nói rộng, đối với nghĩa không ngăn ngại. Về sơ lược giải thích thì Đức Phật có hai môn Lược và rộng lẽ ra chia thành bốn câu, hoặc danh nghĩa đều là quảng, như mười tám không - hai mươi không - hai mươi bốn không, hoặc gọi quảng mà nghĩa lược như pháp tánh, tướng thật, thật tế, như như, pháp giới... rất nhiều tên gọi, cùng chung tên gọi mà nghĩa chỉ một, hoặc danh lược nghĩa rộng, như danh từ sinh không, Pháp không mà nghĩa thì rộng lớn. Kể từ phạm phu hạ địa cho đến quả Phật cùng cực đều gọi là chúng sinh, Thích Luận chép: “chúng sinh vô thượng ấy là Phật”. Từ năm ấm phạm phu cho đến cùng cực Phật địa, cũng gọi là sắc giải thoát, thọ tướng hành thức giải thoát. Thích luận chép: “Pháp vô thượng ấy là Niết-bàn”. Ở đây nói “Lược nói sinh không và pháp không”, văn dưới chép: “Quán ngôi nhà năm ấm đều vắng lặng. Thiện Nữ nên quán sát, nơi nào có người và chúng sinh” chính là nghĩa ấy.

7. Căn cơ của chúng sanh:

Chúng sinh căn cơ chậm lụt ấy là khác nhau về cơ duyên, hoặc nói rộng thì được giác ngộ gọi là Lợi căn, hoặc nói lược thì giác ngộ gọi là độn căn. Nói như vậy tưởng chừng trái ngược. Thân tử vừa nghe liền ngộ, là lược, là lợi căn. Mục Liên nghe lại được ngộ, là rộng, là độn. Ý kinh này không nhắm vào bên ngộ để nói về lợi - độn mà chính là nhắm vào bên nghe giữ để nói về lợi - độn. Người bèn nhạy nghe rộng thì có thể nắm giữ, người chậm lụt nghe lược có thể giữ gìn, nay căn cơ chỉ có căn cơ được ngộ, không có căn cơ nắm giữ quảng, cho nên nói là không thể biết quảng. Vô lượng nghĩa không: Chân-đế của hàng Nhị thừa là nghĩa không có giới hạn (hữu lượng), trung đạo của hàng Bồ-tát là nghĩa không vô lượng; kinh này nói về Tướng thật pháp tánh, tức là nghĩa không vô lượng.

8. Nói về phương tiện:

Phương tiện nhiệm mầu khác lạ tức là Tất-đàn phương tiện, khéo léo thực hiện các thứ phân biệt như biện minh nhân quả dứt ác sinh thiện... trên. Khởi tâm đại bi một loại chúng sinh nặng về bệnh chấp có (hữu), cho nên đại bi cũng nặng. Nay ta giảng nói, giảng gọi là nói rộng, trái với lược, trước nói về sinh không và pháp không, đó gọi là lược, nay nói về hai nghĩa sinh và pháp nên nói là giảng. Biết ý chúng sinh: biết căn cơ này thích lược nên lược, đối với lược mà ngộ lược, cho nên nói rõ là biết rõ ý. Nay tôi giảng nói: giảng là nói rộng ra, trái ngược so với tóm lược, trước đây nói về sinh không, pháp không gọi là tóm lược, nay

luận về hai nghĩa của sinh và pháp cho nên nói là giảng phần sắp nói về không đã xong.

9. Nói về không:

Từ “Thân là luống dối” về sau bài kệ bốn mươi bài rưỡi là thứ hai chính thức nói về không, chia làm hai phần:

1. Từ “Thôn là luống dối...” trở xuống mười chín bài rưỡi nói về cảnh của sinh không, pháp không.

2. Từ “Thiện Nữ nên quán...” trở xuống là hai mươi bài rưỡi nói về quán sinh không, pháp không. Chẳng có cảnh thì quán sát không chính xác, chẳng quán sát thì cảnh không hiển bày, cần phải dẫn ra mười lần kiểm nghiệm cảnh trí trong chỉ quán để nói về không thể suy nghĩ bàn luận, văn dưới nói “Trí cảnh không thể suy nghĩ bàn luận, trí chiếu không thể suy nghĩ bàn luận”. Bản dịch mới chép “Như như pháp, như như trí” tức là nghĩa ấy. Nói về cảnh không lại chia hai:

1. Từ “Thân là luống dối” trở xuống mười bảy bài rưỡi là nói về cảnh của thật pháp.

2. Từ “Nước lửa gió động bất tịnh chảy tràn” trở xuống hai bài là nói về cảnh giả tướng. Thật pháp là quán năm ấn không có pháp, quán mười sáu tri không có người, quán không cho đến lý nên gọi là Thập pháp. Thân tuy chưa chết nhưng hư giả hôi thối nên nói là giả tướng, cũng gọi là tuệ hành, hạnh hành. Duyên theo không đi thẳng vào gọi là Tuệ hành, dẫn dắt sự gồm tu gọi là Hạnh hành, cũng gọi là chánh đạo giúp đạo. Quán sát không thuận theo lý gọi là chánh đạo, bất tịnh phá tham gọi là giúp đạo. Tiểu thừa tu chánh đạo, dứt bỏ kiết sử gọi là người có Tuệ giải thoát, tu giúp đạo dứt trừ kiết sử gọi là người có Câu giải thoát.

10. Dẫn kinh Đại Phẩm chứng minh:

Đại phẩm nói về Bồ-tát phát tâm tương ứng với Tát-bà-nhã là tu chánh đạo, du hý thần thông làm thanh tịnh cõi nước Phật là tu giúp đạo; kinh Pháp Hoa gọi là xe lớn theo về, tức là ý này. Niết-bàn nói về chánh tuệ xa lìa. Xa lìa mười tướng, trụ trong đại Niết-bàn, lại quán sát tướng tận xương trắng nói bàn về hai nghĩa này, nhưng có rộng lược lẫn nhau.

11. Nói về cảnh:

Kinh này tóm lược về ý của chánh đạo và giúp đạo. Cảnh của Thật pháp lại có hai: a. Từ “Thân này luống dối...” trở xuống mười bài rưỡi là dựa theo khổ quả để nói về cảnh; b. Từ “Từ các nhân duyên...” trở xuống là bảy bài kệ dựa vào tập nhân để nói về cảnh. Quán sát khổ,

tập này mà sinh khởi đạo - diệt, nếu thấy được bốn đế thì dứt được sinh tử, sinh hữu đã hết, không còn thọ sinh trong ba cõi... cảnh của khổ lại có ba: a. Từ “thân này luống dối” trở xuống hai câu là nói về cảnh của sinh không; b. Từ “xóm làng sáu nhập...” trở xuống bài kệ chín bài là nói về cảnh của pháp không; c. Từ “thân không, luống dối...” trở xuống một bài kệ là kết luận về cảnh của sinh không pháp không trước đây. Đây luống dối là sinh không cảnh: Các ấm thành thân, cho rằng có nhân, ngã, chúng sinh, tuổi thọ, chấp thân sinh ra, nếu thể của sinh đó gọi là luống dối thì tìm cầu thân không thật có, chấp thân không sinh khởi, các tri kiến khác cũng vắng lặng, do đó dựa theo thân giả để làm cảnh của sinh không. Lại kiểm chứng lý do của thân này, vì một niệm vọng tưởng nương nhờ di thể của cha mẹ, giả danh mới bắt đầu, hai giọt tinh huyết này là sắc ấm, cảm giác khổ vui là thọ ấm, nghĩ đến sự khổ vui này là tưởng ấm, có đủ ba tánh là hành ấm, biết an trụ trong đó là thức ấm. Lại nữa, tinh huyết là Địa đại, sự ấm ướt là Nước đại, hơi ấm là Lửa đại, khí mạng là Gió đại, hư không vây quanh bốn đại là Không chung, tâm nương vào đây mà trụ là Thức chung, đây là sự khởi đầu của Thật pháp. Quán sát thân và tên gọi này nương vào pháp luống dối. Nhóm Không : thân là sự chứa nhóm, như bong bóng trên mặt nước, vây quanh hư không mà khởi thì tên gọi bọt nước cũng sinh khởi, khởi lên liền có diệt đi thì tên gọi bọt nước cũng diệt, vô minh nghiệp lực nương gá vào cơ thể của cha mẹ thì bọt nước ấm liền phát khởi, bọt nước của ấm phát khởi thì tên gọi của thân sinh khởi, bọt nước diệt đi thì tên gọi của thân cũng diệt, cho nên nói là nhóm không. Từ “Xóm làng sáu nhập...” trở xuống là nói về cảnh của pháp không. Vì sao biết được? Vì văn này chỉ kiểm xét rõ về căn trần mà không nói về nhân ngã, do đó biết là cảnh của pháp không. Văn chia làm ba:

1. Một bài nói về sáu căn.
2. Ba bài nói về mười hai nhập.

3. Năm bài kệ nói về mười tám giới. Sáu nhập là sáu căn, có công năng sinh ra thức nên gọi là căn, nơi trần hưởng đến gọi là Nhập, cũng là nơi hội nhập của thức nên gọi là sáu nhập. Kiểm chứng nguồn gốc ban đầu đó chỉ có ba điều, đó là mạng noãn thức, như váng sữa đông lại thành bơ, bảy ngày một lần thay đổi, đúng lúc gió thổi vào bắt đầu trở thành năm bào, thu nhận tịnh sắc của bốn đại, kết thành các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nếu các căn tồn tại thì sinh ra của Thức, đó là chia sắc thành năm, mà tâm chỉ là một. Thức nương vào căn mà trụ cho nên gọi là xóm làng, trần từ đây mà hội nhập cho nên nói là nơi bọn cướp

ở. Mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý duyên đều có tác dụng riêng không thể xâm phạm nhau được, cho nên nói là không thể biết lẫn nhau.

12. Nói về mười hai nhập:

Từ “Nhân căn thọ sắc...” trở xuống là nói về mười hai nhập, lại khai sắc thành mười, đồng thời một đi vào ít phần, chia tâm thành hai, thành ra mười hai nhập. Trần nhập vào căn, căn cũng nhập vào trần, cùng nhập vào trong nhau gọi chung là nhập, căn sinh ra thức gượng gọi riêng là Căn, trần có nghĩa là nhiệm ô, gượng gọi riêng là Trần, nên một căn một trần đi vào trong nhau, cho nên nói là các căn đều tự an trụ. Căn khác không nhập vào trần này, trần này không nhập vào căn khác, cho nên nói là không đi theo duyên khác. Từ “tâm như huyễn hóa...” trở xuống là nói về mười tám giới, lại khai tâm thành tám và sắc thành mười. Cõi là cách biệt không xâm phạm, đó gọi là cõi. Văn chia làm ba:

a) Từ “tâm như huyễn hóa...” trở xuống là nói về thức ở khắp trong các căn, giả sử làm cho tai mắt không đối với trần, tâm cũng theo duyên nghĩ niệm nên nói là rong ruổi, như người ngồi rong ruổi thiên hạ, vì ngu si cho nên không biết căn trần bị khống chế nguy hiểm, do đó bị bọn cướp làm hại như Đại kinh...

13. Thức thường ở căn:

b) Từ “tâm thường nương giá...” trở xuống là nói về thức thường ở nơi căn nên nói là sáu căn, Thức thường ở nơi trần nên nói là cảnh giới. Nếu cho rằng Thức không ở căn trần, thì sao vừa đối diện thì biết ngay? Vì biết được ngay nên nói là thường ở căn trần. Thích Luận chép: “Căn không mất tác dụng nên tâm muốn nghe liền có âm thanh, các duyên hòa hợp cho nên nghe, thấy được”, tức là nghĩa này;

c) Từ “tâm ở trong sáu căn...” trở xuống là nói về thức ở nơi thoát ra thoát vào, như chim mắc lưới ra vào trong đó, mổ một bả một, hết một vòng rồi lại bắt đầu, không lúc nào dừng nghỉ. Thức ở lưới căn cũng giống như vậy. Hoặc ở nơi tai hay ở nơi mắt, đi rồi trở lại không nhất định, tuy không nhất định nhưng có thể nói là thường có một... Từ “thân là không, lống đối” trở xuống một bài là phần từ “tâm ở trong sáu căn...”. Kết luận về cảnh của sinh không, pháp không trước đây. Thân là không, không thể nuôi lớn, kết luận về cảnh sinh không trước đây. Nuôi lớn là một trong mười sáu thứ, nuôi lớn đã là không thì mười lăm thứ còn lại cũng không, tức là kết thành cảnh của sinh không. Không có tranh tụng, cũng không chánh chủ đó là kết luận về cảnh của Thật pháp trước đây. Kinh Di giáo chép: “Năm căn này, tâm là chính”. Đây

là nói về sự bắt đầu gá thai, tâm ở đầu các căn, gọi là chủ, thật ra tâm không thể khống chế được các căn, căn và đại trái ngược nhau làm cho tâm chịu sự phiền phức, lúc thân bị bệnh thì tâm cũng bệnh theo, lẽ nào có thể là chủ hay sao? Hoặc lúc luận về chủ lẫn nhau, như đất có bốn vi cho nên chậm chạp bị nước khống chế, nước chỉ có ba vi, bị lửa khống chế, lửa chỉ có hai vi, bị gió khống chế, gió có một vi bị Tâm khống chế, tâm chẳng có vi nào nên được làm chủ. Lại bị bốn đại làm cho phiền phức nên nghĩa chủ không thành tựu, vì thế nói là cũng không có chánh chủ. Không có tranh tụng: nếu chấp có bốn đại thì có sự trái nhau, như bốn con rắn lẫn hiếp nhau, như bốn nước chiến tranh nhau, sẽ có sự tranh tụng. Ở đây quán bốn đại là không, vì bốn đại lại không nên không thể tùy tiện khống chế được, cho nên nói là không có tranh tụng. Đây là ý kết luận về Pháp không ở trước.

14. Dựa theo tập nhân để nói cảnh:

Từ “các nhân duyên hòa hợp mà có...” trở xuống là bảy bài kệ là dựa vào theo nhân để nói về cảnh, tức là Tập đế, văn chia làm ba đoạn:

1. Hai bài kệ nói về Tướng phát khởi của Tập.
2. Hai bài rưỡi nói về tướng tập chiếm đoạt.
3. Hai bài rưỡi nói về cảnh thiện ác của Tập. Ba thứ trước là Tuệ hành, một loại sau là Hạnh hành, ba thứ trước là cảnh chánh quán, một loại sau là cảnh giúp đạo quán, một loại trước từ vô minh sinh ra, một loại sau từ vô minh diệt đi. Nếu nói thẳng về sinh diệt thì không khác với Tiểu thừa, vô minh vốn không sinh mà sinh, không diệt mà diệt, sinh diệt không hai mà hai. Từ các nhân duyên: Khổ tập đều từ nhân duyên, muốn hiểu nghĩa của Tập, phải giải thích về nhân duyên của Tập. Ba câu trước là nhân duyên phát khởi của Giả danh, năm câu sau là nhân duyên phát khởi của Thật pháp, Tiểu thừa phá bốn đại đến hạt bụi nhỏ gần với hư không, từ cái trần, nhỏ nhiệm thì sẽ có các trần thô bản, dùng đó làm nhân duyên phát khởi của Giả thật.

15. Nói về nhân duyên:

Ở đây nói về cái thô bản có thể phân chia đến tận cùng, cái trần nhỏ nhiệm không còn, thô tế đều hết sạch thì lấy vật gì làm nhân duyên? Nói đến nhân duyên thì Vô minh nội hoặc làm nhân, không rõ sinh không pháp không cho nên nhiễm ái ở bên ngoài làm duyên, vì hễ đối diện với cảnh trần thì sinh đắm nhiễm nên vô minh càng thấm đượm, Tập nghiệp khơi dậy, vì thế nói là từ các nhân duyên hòa hợp mà phát khởi. Vì nghiệp phát khởi cho nên có một niệm gá thai dẫn

đến quả khổ. Một niệm gá thai này do vô minh ái, tâm năng sinh đã là luống dối thì tâm sở sinh cũng là luống dối. Tâm sở sinh là luống dối thì mọi suy nghĩ về bốn mặt, năng sở đều luống dối, cho nên nói không có chắc thật. Vọng tưởng cho nên khởi lên năm câu nói về nhân duyên phát khởi của Thật pháp, do vọng tưởng không hiểu rõ một niệm gá thai nên năm ấm được sinh khởi. Nghiệp lực cơ quan: nghiệp thiện ác là chủ cơ quan, sắc ấm là dụng cụ trong cơ quan, thọ tướng hành ấm là động tác trong đó, đến đi, tiến lùi để tự vui chơi, thức ấm nương vào sáu nhập mà an trụ, nên nói là nhóm không.

16. Nói về thêm bớt:

Là cái được tạo ra do bốn đại nên nói là thành lập, tùy lúc thêm bớt mà tàn hại lẫn nhau, nói thêm bớt theo thời gian: như mười thời khác nhau của Niết-bàn, từ Ca-la-la thời gọi là thêm, lúc trẻ gọi là thanh, lúc già gọi là bớt. Nói về thêm bớt không gian (hoành): Lửa thêm thì Nước bớt, Nước thêm thì Lửa bớt, gió, Địa cũng giống như vậy. Lại nữa, niệm niệm sinh diệt, sinh là thêm, diệt là bớt. Lại nữa các căn mới sinh ra cho nên thêm, các căn cũ diệt đi cho nên bớt. Còn văn dưới nói: “Tùy theo thời tiết mà tàn hại lẫn nhau, mùa Xuân thì gió, mùa Hạ thì lửa, mùa Thu thì đất, mùa Đông là nước, theo đó thêm bớt... giống như bốn con rắn lúc đầu tiên ở trong hộp nhỏ thì gọi là sinh, bốn con rắn sức lực ngang nhau gọi là tráng, cùng có lúc mạnh yếu gọi là điều thích, nghỉ ngơi rồi lại cắn nhau, rắn yếu đuối như lão, rắn không còn là tử. Thêm bớt như vậy, đây là quả thân. Như vậy là do tập nghiệp, bốn phần bình đẳng như Địa, nóng nảy như Lửa, ham muốn như Nước, si mê như Gió; bốn phần này trái ngược nhau.

17. Dẫn sách chứng minh:

Thụy Ứng nói: “Tham dục gây ra già, tức giận gây nên bệnh, ngu si dẫn đến chết”. Ví dụ rằng: “Bốn phần dẫn đến sinh, tập nghiệp cắn xé nhau khiến cho bốn đại tăng thêm hay giảm bớt...” Cùng ở trong một cái hộp: Đây là nói về nơi chốn thì đồng mà tánh khác nhau, rắn có nọc độc, bốn đại có tám mươi bốn ngàn phiền não làm hại cho nên nghĩa đồng như rắn. Đại kinh cho giả thân như cái hộp, thân giữ gìn bốn đại giống như cái hộp chứa rắn, cái hộp rách nát thì rắn bỏ đi, thân diệt thì đại không còn. Như chim ở trong lồng... lại cho nghiệp lực là cái hộp, nghiệp giữ gìn bốn đại, nghiệp đi rồi thì đại tan rã, như chim trong lồng thường muốn thoát ra, chim trong tâm cũng vậy, không hề một niệm gá bó đối với lồng của thân, thường rong ruổi theo bên ngoài. Đây là niệm niệm tìm cái chết, chẳng phải là con đường an thân. Tánh chất mỗi

thứ đều khác nhau: Hai thứ bay lên là dương, hai thứ chìm xuống là âm, vì sao trái ngược nhau? Vì các tánh đó sai khác, tánh sai khác thì làm sao hòa hợp thành thân? Các phương cũng hai; bốn đại bốn phương, gió phương Đông, lửa Nam, đất phương Tây, nước phương Bắc, lại đối với bốn thời, Gió mùa Xuân, lửa mùa Hạ, đất Thu, nước mùa Đông, Đông và Nam thuộc về dương nên bốc lên, Tây và Bắc thuộc về âm nên chìm xuống, cho nên nói hai lên hai xuống, các phương cũng hai.

18. Các pháp trong không gian tác động lẫn nhau:

Nếu nói về tương đối thì Đông thượng, Tây trầm, Nam thăng, Bắc giáng, nếu nói về bốn duy thì phương Đông có hai duy, một duy là dương ở trên, một duy là âm ở dưới, ba phương còn lại cũng giống như vậy. Hoặc nói trong một căn có đủ bốn đại, hai ở trên, hai ở dưới... đều diệt hết không còn, là đầu tiên thấy tan diệt, nghĩa là nói Gió và Lửa hướng lên trên, Địa và Nước hướng xuống dưới, đến đây thì trên tìm không được Gió và Lửa, dưới kiếm không thấy Nước và đất, cho nên nói là tất cả diệt hết không còn. Quả khổ lên xuống rất khác nhau, bởi vì tập nghiệp thiện ác khác nhau như trời vực... hai tánh tâm, thức lăng xăng không dừng. Thích Luận chép: “Tâm, ý, thức là một pháp mà khác tên, đối số gọi là tâm, năng sinh gọi là ý, phân biệt gọi là thức”. Lại nói có khác, phát khởi trước tiên là tâm, kế khởi là ý, sau biết rõ là thức, chẳng hạn như ý và thức không phải là một, nếu là hai: Tâm có tánh thiện ác khác nhau, ý và thức cũng có tánh thiện ác khác nhau, cho nên nói là hai tánh. Lăng xăng: lúc tâm phát khởi trước tiên cũng cùng một lượt với số, ý thức phát khởi sau cũng cùng một lượt với số, nên nói là lăng xăng. Lại như lúc bốn đại tan rã, nghiệp thiện ác tranh nhau dắt dẫn không biết theo ai, cho nên nói là lăng xăng. Nhưng nghiệp này chưa đi mà tâm thường giác quán, hướng chi lại bị dắt dẫn, làm sao không lăng xăng. Có sự dắt dẫn chín muồi. Dắt dẫn chín muồi và dắt dẫn gượng ép đó là người tuy gây ra điều ác, nhưng lúc qua đời tâm lành bùng phát mạnh mẽ, liền theo tâm lành bay lên. Dắt dẫn chín muồi và dắt dẫn gượng ép càng hiển rõ sự lăng xăng, cũng là theo nghiệp đã gây ra mà đọa.

19. Khổ nghiệp là khởi thân:

Các hữu... Từ: Khi nước lửa gió động, tan rã hoại diệt...” trở xuống hai bài là nói về nghiệp lìa khỏi thân khổ. Khí mạng hết thì gió bay đi nên nói là Tán, hơi ấm không còn là lửa ra đi nên nói là Diệt, nước cạn kiệt thì thân rữa nát nên nói là Hoại. Chất đại tiểu tiện bất tịnh chảy tràn ra ngoài, địa tán diệt là xương thịt rời rã cho nên nói như cây mục

nát. Đại tiểu bất tịnh: Thân là đại, tay chân là tiểu, phần chân là đại, phần tay là tiểu, tay là đại, ngón tay là tiểu, như thế lần lượt đến hành đến tiểu, tất cả điều ô uế bất tịnh chảy tràn ra, đó không gọi là giúp đạo. Nếu chánh quán hàng phục phiền não, phiền não không hàng phục thì nên tu bất tịnh để giúp bác bỏ tâm tham dục. Thích Luận chép: “Ba giải thoát là cửa vào Niết-bàn, đạo phẩm là cách mở cửa, chín ý tưởng về bất tịnh đều là cách phụ giúp để mở cửa. Bất tịnh là cách phá trừ cửa đầu tiên của tham dục, nếu tiến lên tu tập bội xả và đại bất tịnh thì thân mình hay thân người, một thân hay nhiều thân, một đất nước hay nhiều đất nước, rừng núi đất đá, tất cả y chánh đều là bất tịnh. Tức là cho dù không như vậy, nhưng nếu năng lực tưởng tượng thành tựu thì tâm kinh sợ sanh khởi, có khả năng giúp đạo rộng lớn khai phát chánh huệ”. Đại kinh nói: “Pháp quán bất tịnh vừa thật vừa hư, vì có công năng dứt bỏ phiền não nên gọi là thật, tịnh nói là bất tịnh nên là hư”. Quán bất tịnh này cũng đầy đủ sinh không và pháp không. Đại kinh chép: “Quán sát tướng tận xương trắng, mỗi chi tiết có gì là ngã, tám sắc lưu quang cũng là vô ngã, ngã không thật có tức là sinh không, người luyện cốt tám màu chẳng thấy bốn đại không có thật, tức là pháp không”.

20. Quán sinh không pháp không:

Đây là y theo giúp đạo, nói về sinh - pháp, cuối cùng thành chánh đạo. Từ “Thiện Nữ nên quán...” trở xuống hai mươi một bài rưỡi là phần thứ hai, nói về quán sinh không, pháp không, văn chia làm hai:

1) Tám hành rưỡi đầu tiên nói về tu quán sinh không, pháp không.

2) Mười hai bài rưỡi kế là nói về quả thành tựu, phát khởi dụng.

- Trong tu nhân lại có hai:

Ba bài rưỡi đầu dựa vào khổ tập để nói về quán sinh không, pháp không.

Tiếp theo từ “thể tướng vô minh...” trở xuống năm hàng là dựa vào mười hai nhân duyên để nói về quán sinh không, pháp không. Dựa vào khổ tập lại chia hai: đầu từ “Thiện Nữ...” trở xuống một bài rưỡi nói về chúng sinh không; tiếp theo từ “các đại như thế...” trở xuống một bài, nói về pháp không. Hỏi: Bốn đế - mười hai nhân duyên đều là cảnh quán của ba thừa, giống như con đường rộng lớn thì người sang, kẻ hèn cùng đi trên đó, không thể nào vì đám người nhỏ đi lại mà xếp con đường đó dành riêng cho hạng thứ dân. Ý chung là như thế nào?

21. Dẫn kinh Niết-bàn chứng minh:

Kinh Niết-bàn chép: “Xưa ta và các thầy không nhận biết bốn

Chân-đế...” Lại nói: “phàm phu có khổ mà không đế, Thanh văn có khổ, có khổ đế, Bồ-tát lìa khổ không còn khổ mà có Chân-đế, các Đức Phật, Như lai có chân có thật”. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa quán bốn đế hữu lượng. Bồ-tát quán bốn đế hữu lượng vô lượng. Đại kinh nói: “Mười hai nhân duyên gồm có bốn thứ, hạng hạ trí quán cho nên đạt quả Thanh văn, hạng trung trí quán cho nên đạt quả Bích chi Phật, hàng thượng trí quán cho nên đạt đến quả Bồ-tát, bậc thượng thượng trí quán cho nên đạt đến quả Phật Bồ-đề”.

22. Dẫn kinh Đại phẩm:

Lại có ý khác kinh Đại Phẩm chép: “Mười hai nhân duyên là pháp riêng của Bồ-tát. Như xưa kia, Đức Phật làm cho đồng, tuy thực hành các hạnh chẳng phải Ba-la-mật nhưng thấy Phật Nhiên Đăng mà đạt được Vô sinh pháp nhẫn cho nên Phật liền thọ ký cho”. Nên biết đâu phải Bồ-tát không quán sát bốn đế và mười hai nhân duyên. Ba thừa tuy là cùng quán, nhưng cách quán có khác nhau. Hàng Thanh văn quán sát các quả, quán tất cả thành một Khổ đế, quán sát các phiền não và nghiệp, quán tất cả thành một Tập đế. Lại nữa, khổ và tập đều là hiện tại, cho nên gọi là tổng tướng quán. Hàng Duyên Giác quán sát khổ làm bảy, hiện tại có năm và vị lai có hai, quán sát Tập là năm, quá khứ có hai và hiện tại có ba, quán sát ba đời riêng biệt và chia ra khổ tập khác nhau, nên gọi là Duyên giác biệt tướng quán. Tuy có chung riêng khác nhau, nhưng đều là tự mình điều phục, tự mình hóa độ, cùng là chia chẻ quán sát sinh không, pháp không mà thôi. So với Bồ-tát có khác nhau, Bồ-tát vì chúng sinh mà tu bốn đẳng sáu độ, quán sát bốn đế và mười hai nhân duyên, thực hành sinh không pháp không.

23. Nêu thí dụ làm sáng tỏ:

Ở đây có nêu thí dụ, như nắm chặt năm ngón tay thành nắm tay, nếu một ngón là một nắm tay thì lẽ ra có năm nắm tay, nếu một ngón không có nắm tay, thì năm ngón tay làm sao có được nắm tay. Ngã, nhân cũng giống như vậy, gom góp năm ấm thành chúng sinh, một ấm mà có chúng sinh thì sẽ có năm chúng sinh, một ấm không có chúng sinh thì cho dù năm ấm cũng không có chúng sinh, ngay nơi ấm tìm chúng sinh không thật có, lìa ấm cầu chúng sinh cũng không thể được. Tuy tìm nắm tay không được nắm tay nhưng không ngại có ngón tay bằng da thịt, tuy tìm con người không đạt được con người nhưng chẳng ngại gì khi có pháp năm ấm.

24. Hai thừa được sinh không chưa được pháp không:

Lúc hàng Nhị thừa đạt được sinh không, chưa thể biết được pháp

không, thì cần phải phân tích da thịt xương tủy của ngón tay ra từng phần, suy tìm cũng không thể có ngón tay thật mới biết rằng không có ngón tay, cầu tím pháp không đạt được pháp mới biết là pháp luống dối. Đã không đạt được cảnh sinh không, pháp không, cũng không đạt được trí của sinh không, pháp không, Quán chung của Bồ-tát cũng vậy, đó là tướng chia chẻ sinh không, pháp không của Bồ-tát và Nhị thừa, như vậy chỉ có sự khác nhau giữa Tự hành và Vị tha... Nếu nói về Biệt Bồ-tát thể không, thì khác hẳn với điều đó, như nhìn thấy nắm tay trong gương, thể của nó đã không thì nhọc công tìm kiếm, làm gì, nắm tay trong gương đã luống dối thì ngón tay trong gương cũng chẳng phải chân thật, nắm tay và ngón tay trong gương đã là luống dối thì nắm tay và ngón tay bên ngoài gương cũng chẳng phải chân thật, chúng sinh cũng giống như vậy, chỉ có tên gọi là chúng sinh, tên gọi này xưa nay tự nó đã là không, chẳng sau khi tìm kiếm mới là không.

25. Dẫn kinh Đại phẩm:

Danh đã là giả danh thì pháp cũng là hư pháp, Thể của Danh tức là Thể của pháp, như Đại phẩm chép: “Tánh của ngã như tánh của sắc, tánh của sắc như tánh của ngã, sinh và pháp ở đời này do vô minh hành, năm quả đã luống dối thì hai nhân đâu phải chân thật?” Văn dưới nói: “Bổn tánh vắng lặng do vô minh mà có, vô minh đã vắng lặng, từ vô minh mà sinh thì lẽ nào không vắng lặng do vô minh mà có, vô minh đã vắng lặng, từ vô minh mà sinh thì lẽ nào không vắng lặng?” Tuy không đạt được cảnh của sinh không, pháp không nhưng lại thấu suốt rõ ràng hai cảnh, không bị cảnh làm cho ô nhiễm. Tuy không đạt được trí của sinh không, pháp không, nhưng có thể thấu suốt rõ ràng trí của hai không, chẳng cần trí làm cho thanh tịnh. Chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, cả hai đều mất, chính là đi vào trung đạo nghĩa đế bậc nhất, nhưng có thể cùng soi chiếu hai đế, ba đế sáng ngời, chẳng phải trước, chẳng phải sau, trong một lúc giác ngộ tất cả, tương ứng với pháp tánh sâu xa này đã đạt được đầy đủ kho báu Kim cương, đó là Bồ-tát quán thể của sinh không, pháp không.

26. Cái không của các Sư Tiểu thừa:

Các sư Tiểu thừa tuy nói chia chẻ không nhưng nghĩa lý đồng với ngoại đạo, tại sao chia chẻ sắc tận cùng đến gần hư không, hoặc còn lại trần không phá, hoặc bác bỏ trần cho hết sạch sẽ. Nếu còn lại không phá thì chỉ là Chấp thường, nếu bác bỏ trần hết sạch thì chỉ là Chấp đoạn, Đoạn - Thường rõ ràng như vậy chẳng phải tà kiến thì là gì? Các sư Đại Thừa tuy nói Thể không mà đồng với lý lẽ Tiểu thừa.

Vì sao? Vì chỉ dùng thể Tuệ, không thể nhất niệm tâm không mà “du hý thân thông tịnh cõi nước Phật giải thích đầy đủ về tri kiến Phật, làm sao có thể trong một tâm ba trí có đủ được năm thứ mắt mà thành tựu Bồ-đề? Dường như hàng Tiểu thừa hoại pháp không có ba minh sáu thông nguyện trí đánh... mà chỉ là hàng Tuệ giải thoát mà thôi, chẳng phải Tiểu thừa thì là gì? Cốt lõi của kinh này sâu rộng cùng cực, phẩm Tựa chép: “Đạo chơi trong pháp tánh sâu xa vô lượng”, phẩm Không nói: “Cầu tìm pháp thân chân thật của Như lai”, phẩm Xả thân chép: “Cầu nơi Niết-bàn vô thượng vắng lặng, đâu thể đồng với tà kiến của người thế gian.

27. Nói về quán Sinh không:

Đâu thể đồng với sự chia chẻ của Tiểu thừa, đâu thể đồng với thể giải nghĩa không này của các sư Đại thừa? Từ “Thiện Nữ nên quán...” trở xuống một bài rưỡi là nói về quán Sinh không: một câu đầu là đối cáo khuyến phát; một câu kế là chỉ rõ cảnh trước đã nói: bốn câu chính là thực hành. Thiện Nữ là thân cây Bồ-đề. Các Đức Phật nói pháp chắc chắn có đối cơ tán dương, nhờ vào một người để chỉ dạy cho nhiều người nên nói với người đó. Vả lại, cơ duyên của chúng lúc này thích hợp với Thiện Nữ nếu nghe nói với đối cơ (đối cáo) thì điều lành đời trước được phát sinh. Lại, Nam Thiên biểu thị cho phương tiện, Nữ Thiên biểu thị cho trí độ, muốn nói trí độ để phá trừ ngu si mê đắm, cho nên nói với đối cơ là thân cây. Đây là biểu thị cho bốn đản, vì nói với đối cơ chẳng phải không có nhân duyên. Nên quán nghĩa là khuyến khích một người để dẫn dắt nhiều người, tất cả Bồ-tát chắc chắn phải tu tập trí độ, không có Bồ-tát nào không căn cứ vào điều này, vì thế nói là nên quán. Các pháp là chỉ cho bốn đế, mười hai nhân duyên, cảnh của hai không, hoặc là giả, hoặc là thật trước đây. Danh mục tuy tóm lược nhưng thấu nhiếp các pháp thì cùng khắp cho nên nói là các pháp.

28. Nói về Như thị:

Như thị chính là nói về quán chung. Như thị có ba nghĩa, đó là như sự, như lý, như phi sự phi lý. Như sự, như là giúp đạo, giả tưởng bất tịnh chảy tràn như lý, như là sinh không pháp không vô pháp, như phi sự phi lý, như là pháp tánh pháp thân. Lại nữa, sự tức là như lý như phi sự phi lý, phi sự phi lý cũng tức là như lý, cũng tức là như sự, lý tức như sự, cũng tức như phi sự phi lý, ba pháp không phải một khác nên nói là Như thị, ba pháp vừa một vừa khác nên nói là các pháp. Nơi nào có người là chỉ ra lý quán. Nơi nào: Nếu sắc xứ có người thì không cần đến bốn ấm kia, nếu sắc xứ không có người thì bốn xứ kia cũng không người, năm

xứ đều không có người nên nói là nơi nào có người. Lại nữa, nơi quả đã không có người, không có vô minh, hành thì nơi nhân cũng không có người, nhân quả hợp cũng không có người, lia nhân lia quả cũng không có người, nên nói là nơi nào có người. Người đã không có thì mười sáu tri kiến của chúng sinh đều không có, nên nói và chúng sinh. Bốn tánh vắng lặng là gợi ý nêu ra pháp quán phi sự phi lý. Bốn tánh vô sự cũng lại vô không, không bốn không sự, đã là vô sự thì không chỗ nào là không? Không có sự cho nên sự vắng lặng, không có không cho nên vắng lặng. Bốn tánh như vậy, chẳng nay mới bắt đầu, cho nên nói là bốn tánh vắng lặng vì vô minh cho nên có chỉ ra sự quán. Nếu cái không đó lại là không thì sự này làm sao có, đã có sự tức là có không, đã có không tức là có phi sự phi lý. Ba thứ này đều do vô minh mà có, vì có vô minh si cho nên có hành, có hành tức là có sinh và pháp, đã có sinh và pháp tức là có quán giúp sự, trợ giúp là giúp chánh tức là có quán về lý không, chánh giúp hiển bày bốn, tức là có quán phi sự phi lý, sự này không biết gọi là vô minh.

29. Dẫn kinh Tịnh danh:

Kinh Tịnh Danh chép: “Từ si có ái thì Ngã sinh bệnh, bệnh sinh cho nên có thuốc trị”, tức là nghĩa này. Nếu biết bốn tánh của vô minh là vắng lặng, thì vô minh còn không có, luống gì là có sự lý, phi sự phi lý? Hoàn toàn thanh tịnh cho nên gọi là không Tuệ, nhưng chấp ngã sâu nặng làm chướng ngại rất lớn cho giác đạo, việc làm của phàm phu thường có đầy đủ Ngã, Ngã đi, Ngã đứng, nằm ngồi nói năng không hề lìa xa Ngã, Ngã thực hành bố thí giữ giới cho đến Ngã thực hành trí tuệ. Nếu nhận lấy di thể của người khác mà cho rằng là Ngã thì Ngã này tinh tế sắc bén; nếu chấp vào một pháp, cho rằng Ngã biết, Ngã hiểu, đối với pháp khởi lên Ngã. Tùy theo đó chấp một câu là thật, những câu khác đều là nói dối, tức là chấp một bên. Chẳng phải đạo mà cho là đạo tức là Giới thủ. Chẳng phải lý mà cho là lý tức là Kiến thủ. Không thích đáng cho là thích đáng tức là Tà kiến. Tự cho là đúng mà lấn hiếp người khác tức là Mạn. Bài bác tức là sân, đề cao tức là Ái, bác bỏ tức là Nghi - không hiểu tức là si. Mười sử phiền não lấy Ngã làm cội gốc, không tự mình hiểu biết mà đêm ngày Ngã càng thêm lớn, dù cho thế trí biện thông như Trường Trảo, Diệp Phúc, gặp đá đá vỡ, gặp cây cây gãy, gặp nước nước cạn, gặp lửa lửa tắt, nhưng cách đạo càng xa. Dù cho thuận theo thiền Phạm, đời cuối cùng đạt đến cõi Phi Tướng, Ngã tâm vẫn còn nên sẽ phát sinh trở lại.

30. Nói về ngã:

Lại như phàm phu này còn chưa có noãn pháp làm sao có thể phá trừ Ngã? Nói rộng về Ngã này tức là hai mươi thứ chấp thân, đó là ngay nơi ấm chấp năm thứ, lia ấm chấp năm thứ, trong Ngã có năm ấm, trong ấm có năm Ngã, đó là hai mươi thứ. Nếu một ấm là Ngã thì các ấm khác không có tác dụng, nếu đều là Ngã tức là có năm Ngã, như vậy nghĩa này không đúng. Nếu lia ấm mà có Ngã thì lia ấm, ngã là Ngã của ai? Như đồ vật chứa đựng hoa quả, như nhà cửa bảo vệ con người; nghĩa này không đúng. Nếu trong Ngã có ấm thì ấm ở trong Ngã, nghĩa này không đúng. Đây là phá trừ hai mươi lăm thứ chấp thân. Ở đây dựa theo ngoại cảnh để nói như vậy, nhưng ở nội tâm vẫn chấp có Ngã. Sau đó nên quán trở lại, ngay nơi trí có ngã, lia trí có Ngã, trong Ngã có trí - trong trí có ngã, các nghĩa này đều không đúng. Sau khi phá trừ hai mươi thứ chấp thân, trong ngoài kết hợp lại thì thành bốn mươi thứ chấp thân, đó gọi là sinh không.

31. Dẫn các luận:

Tỳ-đàm chép: “Chấp ngã là cùng chung một nhân, lúc chấp ngã phát khởi thì thân, miệng chưa động chuyển, do chấp ngã sau đó sinh ra suy nghĩ thì thân miệng mới động chuyển, dứt bỏ chấp ngã rồi thì ngộ chúng sinh là không. “Thành luận cho rằng: “Tâm chấp ngã liền tư duy, làm động chuyển thân miệng, dứt bỏ chấp ngã rồi liền giác ngộ chúng sinh là không, cũng ngộ pháp là không”. Đại thừa cho rằng “chấp Ngã tức là có các pháp, nhưng không có tư duy, ngộ chúng sinh là không tức ngộ thật pháp là không”.

32. Nơi nào có người là gì?

Một khi phá trừ hai mươi thứ chấp thân thì cả ba câu trên đều có thể sử dụng. Nếu ngay nơi sự là lý thì nơi nào có người, ngay nơi ấm lia ấm, trong ấm không người, trong người không ấm, hai mươi thứ kiến chấp bị dứt bỏ, cho nên nói “nơi nào có người”. Trí năng quán trí chính là người, lia trí có người, trong người có trí, trong trí có người, suy nghĩ này cũng bác bỏ, cho nên nói “nơi nào có người”. Nếu thực hành quán sát phi sự phi lý, bốn tánh vắng lặng thì bốn tánh vắng lặng vốn không, ngay nơi ấm mà lia ấm, ấm - người, người - ấm đã không có, vì chấp như vậy bị phá cho nên nói là “nơi nào có người”. Bốn tánh của trí năng quán cũng vắng lặng, cho nên nói “nơi nào có người”. Nếu lúc thực hành quán giúp đạo bất tịnh, hoặc quán sát ác tâm thủ cảnh, thì tức là năm ấm bị ô uế; hoặc thiện tâm hổ thẹn, tức là phương tiện che giấu năm ấm, cái thấy này đều nương vào sắc, sắc tức là bất tịnh, vì bất tịnh

cho nên vô nhân, vô ngã, do đó nói là “nơi nào có người”. Quán sát trí năng quán cũng giống như thế, cho nên nói là “nơi nào có người”. Nếu ngộ được để luận phá hai mươi thứ chấp thân, là đạt được chúng sinh không, không còn kiến hoặc. Thực hành hai mươi thứ quán ấy là dứt bỏ, thật hoặc, nếu thật hoặc dứt bỏ tức là vào tu đạo, tức nên nói rằng “nơi nào có pháp”. Nếu chưa ngộ mà nói thì tuy thực hành hai mươi thứ quán, nhưng kiến hoặc chưa dứt bỏ thì trên giả danh tiếp tục bị Ái khuất phục, đi vào thật pháp chấp là Ngã. Vì thế kinh Pháp Hoa nói: “Chúng sinh đắm trước khắp nơi, bỏ một lấy một, như con sâu gập mình nhích bước, cần phải tiến tới thật pháp, tiếp tục thực hành hai mươi thứ quán, khiến cho không tuệ sáng tỏ khắp nơi thực hành không lỗi.

33. Nói về pháp quán pháp thật:

Từ “các đại như thế...” trở xuống hai bài nói về pháp quán thật pháp. Sinh không trên đây có thể hiểu rõ tức là hiểu rõ đối với pháp, vì chưa hiểu rõ điều đó nên tiếp tục nói. Văn cũng chia làm: hai câu đầu là ngay nơi pháp là không, một bài một câu kế là ngay nơi pháp bốn tánh chẳng phải không chẳng phải giả, tiếp theo hai câu tức là ngay nơi pháp là Giả chẳng hạn như ba ý của sinh không. Các đại như thế là nêu ra pháp bốn đại. Mỗi pháp đều bất thật: chính là nói về không quán. Như bốn đại mỗi đại đều giữ tánh của nó: tức là đất giữ lấy tánh vững chắc, không thể chuyển động, không thể nóng lên, nước giữ lấy tánh ướt, không thể đông cứng không thể nổi sóng, Lửa giữ lấy tánh nóng ấm, không thể lay động không thể có lửa ngọn, gió giữ lấy tánh chuyển động, không thể giữ gìn không thể tiếp xúc, gặp tường vách nên dừng lại. Một đại đã có ba tánh, chẳng phải đều vững chắc, chẳng phải đều ướt, chẳng phải đều nóng ấm, chẳng phải đều chuyển động, vì mất đi bốn tánh tức là không thật, không thật cho nên là không, kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Đất không có tánh vững chắc, tánh của nước không an trụ, Lửa trừ duyên sinh ra, tánh của gió không chướng ngại, mỗi đại đều hòa nhập vào địa vị như thật, tức là nghĩa ấy. Xem xét sinh không ở trên nên nói là “nơi nào có người”.

34. Nói về pháp không:

Nay xét về pháp không, cho nên nói “mỗi pháp đều không thật”. Không chân thật tức là không. Bốn tánh bất sinh tức là bốn tánh của pháp không sinh không diệt, quán chẳng phải không, chẳng phải giả. Thể của nó bắt đầu từ không sinh ra, khoảng giữ không hòa hợp - cuối cùng cũng bất không. Ban đầu không có bốn đại, bốn đại từ đâu sinh ra? Ban đầu không sinh ra, khoảng giữa sao hòa hợp được? Bốn đại đã

không hòa hợp, lẽ nào năm ấm làm hòa hợp? Đại và ấm đã không hòa hợp, làm sao đạt được pháp không? Vốn tự không sinh không diệt chẳng phải là quán trí khiến cho nó không sinh không diệt, ngay nơi sự là lý là nghĩa này. Do nhân duyên ấy là quán sát hiểu rõ nhân duyên, Quán sát nhằm hợp với lý, thấu suốt Tức không - Tức giả - tức trung.

35. Dẫn Đại kinh chứng minh:

Đại kinh nói: “Cũng có nhân duyên, vì dứt trừ vô minh thì sẽ thấp sáng ngọn đèn Tam-miêu Bồ-đề” tức là nghĩa của nhân duyên. Hòa hợp mà có: ngay nơi pháp là giả, bốn thể đã không thật, sao có được đại - ấm? Đại - ấm này là nghiệp nhân của vô minh, gá vào quả di thể ở đời này, cho nên có bốn đại năm ấm, tức là nhân quả mê hoặc hòa hợp mà có. Pháp này có cho nên thể có - cũng chẳng phải có, chẳng phải chẳng có, tức là không, tức là giả, tức chẳng phải không, chẳng phải giả. Văn nói về ba quán ở kinh này, chẳng lẽ không tin? Lại vì hạng độn căn có sự nghi ngờ đối với thật pháp, hoặc cho rằng bốn đại, năm ấm là có - là không, là vừa có vừa không, là chẳng phải có chẳng phải không. Bốn chấp đã phát sinh - sinh gọi là có, là thấy y theo nơi sắc, y theo nơi sắc khởi dậy ngã, ngã phát sinh năm lợi sử, là pháp nhuế nộ, lại khởi lên năm độn sử. Mười sử này là tập, mới dẫn đến khổ về sau, đời sau không rõ, xoay vần nối nhau không hề cùng tận, biến cả sinh tử nổi sóng, đời đời kiếp kiếp thường bị đại ấm làm cho mê hoặc. mê hoặc sắc pháp này tức là sắc ấm, vui buồn là thọ ấm, chấp tướng là tưởng ấm, khởi lên thiện ác là hành ấm, phân biệt là thức ấm, ấm tâm phát khởi nên gọi là hữu pháp, chẳng phải pháp không. Tâm chẳng nương vào sắc, cũng lại không nương vào thọ, tưởng, hành, thức, vắng lặng diệt hết các điều ác, dứt bỏ vô lượng lỗi lầm, người tuyệt vời tôn quý như vậy thì thấy được Bát-nhã, cũng là pháp tánh sâu xa, trong Kim Quang Minh thấy được Đức Phật Thích-ca Mâu Ni. Hành nhân nếu có thể quán sinh không, pháp không như vậy, tức là phá đổ tường vách hướng về nguồn cội, trong một đời hai đời có thể có những việc làm bảo đảm không cô phụ công lao.

36. Nói về pháp quán mười hai nhân duyên:

Từ “Thể vô minh tướng...” trở xuống năm hàng nói về pháp quán mười hai quán mười hai nhân duyên sinh không pháp không, văn chia làm hai: Ba bài đầu nêu ra tướng của cảnh, hai bài sau nêu ra tướng quán cảnh. Cảnh lại có hai: hai bài đầu trước tiên nói về cảnh của sinh không, cho nên văn nói “gọi là vô minh”, Thích Luận nói không, một bài sau nêu ra cảnh của pháp không, văn nói “già chết sâu não”, Thích

Luận nói “là già chết”, do đó biết là cảnh của pháp không. Nhưng mười hai nhân duyên trong kinh luận không giống nhau, hoặc là ba đời, hoặc là quả báo, hoặc là một niệm, hoặc là mười loại. Ba đời là hai nhân quá khứ bác bỏ kiến chấp thân thức là thường, năm quả hiện tại bác bỏ kiến chấp pháp thân thức là ngã, ba nhân hiện tại và hai quả vị lai bác bỏ kiến chấp thân thức là đoạn diệt, đây là cách sử dụng thông thường. Quả báo ấy là lúc đầu tiên Ca-la-la gá thai vì vô minh, trước sau một hạn kỳ, luận mười hai chi.

37. Nói về Nhất niệm:

Nhất niệm, trong kinh Hoa Nghiêm chép: “mười hai nhân duyên ở trong một niệm tâm”, kinh Đại tập chép: “mười hai nhân duyên, mỗi người một niệm, thấy đều đầy đủ, như mắt thấy sắc, không hiểu rõ gọi là Vô minh, sinh ra yêu ghét gọi là hành, tâm ý trong này gọi là Thức, Sắc và Thức hành gọi là Danh sắc, sáu căn phát sinh tham đắm gọi là sáu nhập. Các và mắt đối diện nhau gọi là xúc, lãnh nạp gọi là Thọ, triền miên đối với sắc gọi là Ái, tướng sắc tướng gọi là Thủ, khởi tâm nghĩ về sắc gọi là Hữu, tâm sinh gọi là Sinh, tâm diệt gọi là chết, cho đến ý tư duy và pháp cũng giống như vậy. Một ngày một đêm tất cả biết bao nhiêu mười hai nhân duyên lần lượt bao trùm để tự ràng buộc. Nay lại nói về tướng của nhân phát khởi. Nếu quán danh sắc do tu hành, hành do Vô minh, không hiểu rõ vô minh, hoặc cho là có, cho là không, vừa có, vừa không, chẳng phải có chẳng phải không.

38. Giữ lấy bốn câu:

Giữ lấy bốn câu ấy đều là vô minh, sự thật này là hành, tâm ý trong đây gọi là thức, thức cùng sắc hành gọi là Danh sắc, mỗi mỗi đều như trước nói. Lại quán một niệm gá thai là Danh sắc, năm bộ phân bắt đầu phát triển gọi là sáu nhập. Sáu nhập đối với Trần gọi là xúc, lãnh nạp gọi là Thọ. Đối với thọ này chia ra bốn trường hợp, hoặc Thọ có Thọ không Thọ, vừa có vừa không Thọ, chẳng phải có chẳng phải không Thọ. Như mắt thọ nhận Sắc, đối với Sắc không hiểu rõ là Vô minh, tâm yêu ghét gọi là Hành, Thức và sắc hành gọi là Danh sắc, sáu căn phát sinh tham đắm gọi là sáu nhập, còn lại như trên đã nói. Cho đến ý suy nghĩ về pháp không hiểu rõ là Vô minh, tâm yêu ghét là các Hành, còn lại như trên đã nói. Như vậy suy ra cành nhánh của cây đại thụ mười hai nhân duyên che chắn giăng phủ đầy khắp ba cõi, ai nhận biết được? Ai chặt đứt được ư?

39. Vòng tròn lửa là giả:

Nay kinh đã là nói lược, không luận bàn đến ba đời, một niệm...

chỉ nêu sinh pháp là cảnh của hai quán, nên dùng thí dụ để hiển bày, như múa tàn lửa trong bóng tối, xoay vòng nối nhau không hề dừng lại thì thấy một vòng tròn lửa không dừng. Lửa là thật pháp, vòng tròn là giả danh. Chúng sinh mãi mê đắm trước vòng tròn lửa không dừng của giả danh, không phân biệt được sự xoay vòng nối nhau của lửa ấm nhập, thì mười hai nhân duyên làm sao diệt tận được? Nếu biết rằng vòng tròn nung vào lửa, ngừng tay thì không có vòng tròn, lửa nung vào củi, bỏ củi đi thì không có lửa, vòng tròn và lửa đều không có tức là sinh không, pháp không. Văn ví dụ cho cảnh sinh không chia làm ba: “thể tướng Vô minh...” là hai câu nói về bốn tánh bất hữu, bất vô, là cảnh Trung quán; “Vọng tưởng nhân duyên hòa hợp mà sinh”, hai câu này là cảnh Giả quán, “về Vô sở hữu...” là hai câu nói về cảnh không quán; “Cho nên ta nói...” là hai câu kết thực thành tựu. Từ “Hành thức danh sắc...” trở xuống một bài là nói về cảnh của pháp không, lẽ ra phải có ba, thí dụ nhưng đặc biệt là văn lược, có thể biết được ý.

40. Nói về quán giả:

Các khổ hành nghiệp v.v... trở xuống là nói về quán sinh không, pháp không, văn cũng có ba ý: “Các hạnh nghiệp khổ không thể suy nghĩ bàn luận” là một bài nói về quán chẳng phải không chẳng phải hữu; “Vốn không có sinh cũng không hòa hợp” là hai câu nói về quán Không, câu “vốn không có sinh” là sinh không, câu “cũng không hòa hợp là pháp không; “không khéo suy nghĩ...” là hai câu nói về Giả quán, suy nghĩ bất thiện trước đây dẫn đến danh sắc này, suy nghĩ bất thiện hôm nay lại tiếp tục có già chết ở vị lai... Tuy gọi là quán sinh không pháp không, nhưng mà Tức Không - tức Giả - tức Trung, văn đó rõ ràng, hợp với nghĩa lý, có chỗ nào nghi ngờ ư? Lại tiếp tục vì hàng độn căn nói về tướng của quán Không- nếu Giả danh tự phát sinh thì không cần Thật pháp, nếu từ pháp sinh ra thì chẳng phải từ giả danh sinh ra, nếu Giả - Thật hòa hợp mà sinh thì lẽ ra phải có hai Giả, nếu lia Giả, Thật thì không có việc ấy. Giả danh này chỉ có tên gọi, tên gọi không ở giữa, hai ở trong, ở ngoài, cũng không thường tự có, bởi vì không thể đạt được cho nên gọi là quán giả danh không. Về quán thật pháp không, nếu danh sắc tự sinh thì lẽ ra không đợi nghiệp; nếu nghiệp có thể sinh thì La-hán có nghiệp, vì sao không sinh; nếu nghiệp quả cùng sinh thì các pháp đều có tên chung, các pháp không, chung, nếu không có nhân duyên sinh thì không có việc ấy. Đã không thể sinh, cũng không được không sinh, cũng không được vừa sinh vừa không sinh, cũng không được chẳng phải sinh chẳng phải bất sinh, cũng không

được diệt, cũng không được không diệt, cũng không được vừa diệt cũng không diệt, cũng không được chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt, vô diệt vô sinh, gọi là vô sinh, vì vô sinh cho nên giả danh hoại, vì giả danh hoại cho nên sáu mươi hai kiến chấp hoại và kiến chấp hoại cho nên Thật cũng hoại. Đã không đốt lửa thì không có khói, quay qua lửa giữa ban ngày thì cũng không có vòng tròn, đây là sơ lược nêu ra tướng của Không quán, Trung quán và Giả quán ở nơi khác có ghi đầy đủ... Từ “Ta dứt bỏ tất cả các kiến chấp, trói buộc... trở xuống mười hai bài rưỡi kệ là phần thứ hai.

41. Nói về công dụng của sinh không pháp không:

Công dụng của sinh không, pháp không về mặt quả, nói về thành tựu nên chứng quả, văn chia làm hai: Ba bài rưỡi đầu tiên từ Tự hành thành tựu, chín bài sau là Hóa tha thành tựu. Văn tự hành lại có hai: hai bài đầu là đầy đủ Trí đức, một bài rưỡi tiếp theo là đầy đủ đức dứt. Tất cả các kiến chấp là sáu mươi hai kiến, tám mươi tám sử... vì thế nên nói là tất cả. Đây là quán thành tựu về sinh không. Dùng năng lực trí tuệ là thí dụ cho sắc bén của trí tuệ, trên thí dụ cho chấp đoạn, dưới thí dụ cho dứt bỏ phiền não. Triền là trình bày riêng về mười triền. Lưới phiền não là trình bày tất cả mười sử, lưới võng có cái sai lầm che chắn của mạng lưới, nhà cửa có cái thiếu sót tối tăm của bao phủ, thấu suốt sự vắng lặng của ám thì ám chướng không thể che đậy được, xé rách màng lưới nhưng giềng lưới không xé rách được. Đây là quán thành tựu về pháp không.

42. Dẫn kinh Tịnh Danh để nói rõ:

Hàng Nhị thừa cởi bỏ sự ràng buộc của Thông kiến, hàng Bồ-tát cởi bỏ sự ràng buộc của chấp Biệt, kinh Tịnh Danh chép: “Kiết tập chưa sạch hết nên hoa báu vào thân, chưa dứt hết biệt kiến nên hoa còn bám. Nhưng nói Phật đã dứt bỏ kiến triền, hoặc là Thông hay Biệt rốt ráo đều hết ở Phật. Thích Luận chép: “Chúng sinh vô thượng chính là Phật, pháp vô thượng là Niết-bàn, vô thượng giả thật không thể mê hoặc đối với địa vị Phật, cho nên nói là Phật dứt trừ”. Kinh luận khác nhau, hoặc nói trí thượng thượng của Phật dứt bỏ các hoặc hạ hạ, vô minh sức mạnh nhưng trí của Phật có khả năng dứt bỏ, một niệm tương ứng với tuệ chính là mọi nghiệp tập đều dứt sạch không còn sót, hoặc nói Hữu thượng sĩ gọi đó là đoạn, vô thượng sĩ gọi là vô sở đoạn, đó chính là tùy theo cõi nước tùy theo thời gian, tùy theo hạng người, tùy theo sự hiểu biết đều có lợi ích... chứng Vô thượng đạo: Chánh đạo về sinh không, pháp không đã đầy đủ. Công đức nhiệm mầu: Trí đạo về sinh không,

pháp không đã đầy đủ.

43. Nói về cam lộ:

Từ “Mở cửa cam lộ” trở xuống một bài rưỡi là nói về đức dứt tròn đầy. Cam lộ là thuốc thần không chết của các vị trời, người được ăn thì mạng sống dài lâu, thân an vui, khí lực mạnh mẽ, thể chất sáng suốt, giống như Đức dứt của các Đức Phật an trụ trong dụng Thường, lạc, Ngã, tịnh chân thật của Đại Niết-bàn, nên biết là đức dứt đã tròn đầy. Nhưng ý của nghĩa này lại muốn đối diện với các địa vị của Hoa Nghiêm, mở cửa cam lộ là đối với địa vị Thập Trụ, đầu tiên khai bày Thánh đạo để ngăn dứt hai bên, cho nên nói là mở, nêu rõ là đối với Thập hạnh hiển bày riêng biệt từng hạnh một, hòa nhập là đối với Thập Hồi hương hồi sự nhập lý: cư trú là đối với Thập địa cư trú trong nhà pháp tánh, ăn món ăn đó là đối với Diệu giác tự mình ăn được món ăn ấy, lại đem cho mọi người cùng hưởng. Các địa vị dưới chẳng phải không hóa tha, tự hành chưa trọn, hóa tha cũng không rộng, quả Phật địa trọn vẹn, đức dứt đã đầy đủ, lực từ bi rộng lớn nên có thể vì chúng sinh khai mở Thập trụ, nên rõ Thập Hạnh, đi vào Thập Hồi hương - ở trong Thập địa, ăn món ăn cam lộ nên công dụng đầy đủ đức dứt hóa tha, hai nghĩa đều thành tựu. Lại nữa, Thông đối với bốn trí Bát-nhã, khai đối với đạo tuệ, Thị đối với đạo chủng tuệ, Nhập đối với trí nhất thiết, xử đối với trí Nhất thiết chủng, thực vị đối với Phật trú đại Niết-bàn, dùng đại bi khiến cho chúng sinh đạt được bốn trí này, đối với quả địa nghĩa đức dứt cũng không ngăn ngại... Lại đối với Pháp Hoa khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, bởi lẽ đức của Phật là tròn đầy, vì việc nhân duyên lớn mà xuất hiện ở thế gian, khai mở chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sinh, đối với nghĩa đức dứt cũng hiển bày rõ ràng.

44. Dẫn kinh Niết-bàn làm sáng tỏ:

Lại nữa, kinh Niết-bàn chép: “Thường Lạc Ngã Tịnh là phương tiện bậc nhất đối với quả đoạn”, như đã giải thích ở trước... Từ “Thối loa pháp lớn...” trở xuống bài kệ chín bài là nói về quả địa hóa tha tròn đầy, văn chia làm hai: Hai bài đầu là xoay bánh xe, pháp hóa tha, bảy bài kế là bốn thế nguyện rộng lớn hóa tha. Trong nói pháp lại có hai: Một bài đầu là nói pháp, một bài tiếp theo là thần thông. Các kinh khác thì trước là thần thông làm cho mọi vật khiếp sợ, sau đó mới nói pháp, kinh này hiện thần thông ở sau nên nói pháp ở trước. Lúc tu nhân chánh tuệ về sinh không pháp không, khi đạt được quả thì trí đức tròn đầy, nên có khả năng nói pháp hóa tha; khi tu nhân là giúp đạo của sinh không, pháp không, khi đạt được quả thì đức dứt tròn đầy, cho nên có khả năng

hiển bày thần thông hóa tha.

45. Nêu bốn thí dụ:

Nói pháp nêu bốn thí dụ là lợi ích nghe pháp thật sự vô lượng. Lược nêu bốn thí dụ là có là sắp xếp riêng, thối kèo là thay đổi tên gọi, thí như Đức Phật nói pháp Tiểu thừa sửa đổi tánh phạm chịu khổ của phạm phu, đi vào tánh chân chính của bậc thánh, nói pháp Đại thừa thay đổi tánh nghiêng lệch của phạm Thánh, đi vào tánh tròn đầy của trung đạo, Thất địa của Thông giáo, Sơ địa của Biệt giáo, Sơ Trụ của Viên giáo đều là các giai cần thay đổi tên gọi, từ nghiêng về nhập vào trung đạo. Đánh trống đại pháp ấy là đánh trống nhắc nhở tiến lên quét sạch mọi sự ràng buộc trước đây, ở đây thí dụ như Đức Phật nói pháp đốc thúc tiến lên thực hành các hạnh sâu xa hơn; địa vị Tiểu thừa ở nơi tu đạo, Thông giáo ở Bát địa, Biệt giáo ở Thập hành, Viên giáo ở Sơ Trụ. Các giai vị này nhờ vào năng lực nghe pháp đều tiến vào tu đạo chân thật. Thấp ngọn đèn đại pháp là tự chiếu sáng mình, cũng chiếu soi người khác, thí dụ như Đức Phật nói pháp khiến cho mình và người đều được lợi ích, như căn nhà bao năm tăm tối chỉ cần một ngọn đèn thì có thể sáng sủa, lại như một ngọn đèn thấp lên trăm ngàn ngọn đèn, năng lực nghe pháp đều lợi ích cho mình và người cũng giống như vậy, Bát địa của Thông giáo, Thập hồi hướng của Biệt giáo, Viên giáo cũng ở tại Sơ Trụ, đều là các giai vị đạo quán cùng lưu thông, mình và người đều lợi ích.

46. Nói về mưa pháp:

Mưa xuống cơn mưa pháp cao quý là mưa giúp cho lúa má của người nông phu được thành tựu, cành lá tốt tươi càng thêm đều đặn, khi cơn mưa trút xuống thấm nhuần thì hoa quả nở rộ sum suê, dù cho các hạnh tuy chăm chỉ tu tập nhưng việc thú hưởng lại yếu kém, nghe Đức Phật nói pháp liền tăng thêm đạo, giảm bớt chúng sinh, nhậm vận thành thành thực, tự nhiên tuôn chảy vào biển Tát-bà-nhã, như thuyền dưới sông Hằng rộng lớn không cần nhọc công gắng sức mà mau chóng cập bến, ở đây hoàn toàn là giai vị đang cùng lưu chuyển, nghĩa như trên đã nói. Nếu hiểu được ý này, thì thí dụ như bốn giai vị của Hoa Nghiêm, bốn trí của Bát-nhã, bốn tri kiến của Pháp Hoa, bốn đức của Niết-bàn, đều có thể hiểu rõ. Một pháp này phân định xuyên suốt giai vị của kinh, luận bán rộng rãi về tất cả các giai vị, một khi nghe pháp âm tùy loài đều được hiểu v.v... Bốn thí dụ trong đây đều nói về Đại, Đại ấy là giảng nói Đại pháp, là con đường lớn giải thích rằng Niết-bàn là Đại thừa chứ chẳng phải là giai vị Tiểu thừa.

47. Nói về thần thông hóa tha:

Từ “nay ta hàng phục...” trở xuống là nói về thần thông hóa tha. Oán kết: Bốn trụ là oán kết của Nhị thừa, năm trụ là oán kết của Bồ-tát, ma là kẻ cầm đầu phiền não, chặt cây thì phải nhổ bỏ gốc rễ, hóa độ mọi vật thì phải hàng phục kẻ đứng đầu, nếu không hàng phục được ma thì sự hóa đạo không thông suốt, cách hàng phục ma cần phải sử dụng thần thông, giống như đánh bại oán kết, mới đáng là dũng cảm chẳng phải Pháp vương thì không thể đánh bại. Pháp vương thắng là lúc hóa đạo mà được lập, nên tên gọi như thế. Dụng ngọn cờ pháp, cờ là pháp Tam-muội, cao vượt lên trên các hạnh, là nơi hướng về cho các hạnh, như binh sĩ hướng về người chỉ huy. Ba đức không dục không ngang, cho nên nói là nhiệm mầu.

48. Nói về bốn thệ nguyện rộng lớn:

Từ “Độ các chúng sinh...” trở xuống bảy bài kệ là bốn thệ nguyện rộng lớn lợi ích mọi loài, cũng gọi là bốn đế lợi ích chúng sinh, bốn hoàng là tâm thệ nguyện, bốn đế là cảnh sở duyên, cứu độ các chúng sinh là hoàng thệ đầu tiên, cũng là vì chưa dứt khổ đế nên khiến dứt khổ đế. Từ “Phiền não lấy lưng” trở xuống một bài là hoàng thệ thứ hai, cũng vì chưa dứt Tập đế nên khiến dứt bỏ Tập đế. Từ “ta dùng cam lộ...” trở xuống một bài là hoàng thệ thứ ba, cũng là vì chưa chứng đạt Diệt đế nên khiến chứng đạt Diệt đế. Từ “trong vô lượng kiếp...” trở xuống bốn bài là thệ nguyện thứ tư, cũng là vì chưa an trụ Đạo đế nên khiến an trụ Đạo đế. Trong đây nhắm vào đàn làm bốn đế, năm đàn đối với san tham, san tham tự nó đối trá là Tập, Tập nghiệp với lấy quả là khổ, đàn có công năng dứt bỏ san tham là đạo, san tham bị dứt bỏ là diệt đế. Vô lượng kiếp là chứa nhóm công đức cao dày, vâng tu các hạnh là thâm nhiếp các pháp rộng lớn. Luận nói: Nghĩa của đàn thâm nhiếp cả sáu độ... xả bỏ thân mạng tài sản cùng với đời sau... được thường trụ bất hoại gọi là Ba-la-mật, dục cao vô tận, ngang rộng vô cùng, nên nói là vâng tu các hạnh.

